

Số: 81/BC-CPI

Hạ Long, ngày 23 tháng 6 năm 2017

V/v: Tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm
và KH hoạt động 6 tháng cuối năm 2017

Kính gửi: Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam

Thực hiện công văn số 1615/HHVN – TTKH ngày 13/6/2017 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc Báo cáo tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm và kế hoạch hoạt động 6 tháng cuối năm 2017, Công ty cổ phần đầu tư cảng Cái Lân trân trọng báo cáo các nội dung cụ thể như sau:

A – CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN (CPI)

I- Tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm 2017

1. Tình hình thị trường

a, Thuận lợi:

- *Hàng nông sản, hàng rời:*

+ Thức ăn chăn nuôi là nhân tố mắt xích quan trọng để phát triển ngành chăn nuôi, vốn đang được coi là giải pháp đảm bảo an ninh lương thực trên toàn thế giới. Tại một nước nông nghiệp như Việt Nam, thức ăn chăn nuôi càng đóng vai trò quan trọng và đóng góp không nhỏ vào nền kinh tế.

+ Ngành sản xuất thức ăn công nghiệp trên toàn cầu được dự báo tăng trưởng về sản lượng trong năm 2016 và những năm tiếp theo. Tại Việt Nam, một loạt các khách hàng nông sản lớn đã lên kế hoạch /khởi công/xây dựng/hoàn thiện một loạt các nhà máy sản xuất nông sản ở miền bắc Việt Nam, hứa hẹn sản lượng nhập khẩu về miền Bắc nói chung và khu vực Cái Lân nói riêng sẽ tiếp tục tăng trong 2017

+ Cảng nằm trong vùng vịnh kín, luồng vào cảng ít bị sa bồi, kho bãi chứa hàng rộng, năng lực có thể tiếp nhận được tàu lớn, biểu cước và các chính sách hỗ trợ ngày càng được nới rộng

+ CPI bước đầu tiếp cận và giành được việc cung cấp dịch vụ với một số khách hàng nông sản có sản lượng tốt tại cảng Cái Lân như: Havest, Glencore, Peter Cremer, Crossland (QDMB)... Bước đầu tạo dựng được uy tín và tích lũy được kinh nghiệm làm hàng nông sản.

- *Đối với hàng container:*

+ Dự báo năm 2017, sản lượng hàng container miền Bắc tăng trưởng 10-12% so với 2016. Bên cạnh đó, chính sách thu phí mới của Hải phòng với mức thu chính thức áp dụng đang tạo ra làn sóng phản đối tiêu cực của khách hàng là cơ hội để cảng Cái Lân thu hút khách hàng.

+ CPI kết hợp với CICT bước đầu thu hút được các hãng tàu container (Zim và Hyundai) với sản lượng, tần suất đưa tàu về cảng khá ổn định, bên cạnh đó CPI cũng là đơn vị cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng container bằng sà lan từ cảng CICT về cảng

Transvina, Hải Phòng. Hiện tại CPI đã đàm phán và giành được quyền cung cấp dịch vụ tàu lai và đại lý tàu cho hãng tàu Zim và Hyundai.

b, Khó khăn:

+ Chính sách của nhà nước có xu hướng bất lợi cho nông dân và doanh nghiệp chăn nuôi gia súc nên sản lượng thức ăn chăn nuôi của Việt Nam dự kiến chỉ tăng trưởng nhẹ

+ Hệ thống giao thông đường bộ của Cảng vẫn chưa hoàn chỉnh nên khó đáp ứng được nhu cầu vận chuyển, không có bãi xe để tập kết trong thời gian chờ đợi dỡ hàng nên thường xuyên gây ách tắc.

+ Việc chưa có kho dẫn đến khả năng cung cấp dịch vụ với hàng nông sản còn nhiều hạn chế do nhu cầu gửi kho để làm hàng và giải phóng tàu ngày càng cao.

+ Cơ sở vật chất và nhân, vật lực còn thiếu nên hầu hết các dịch vụ CPI cung cấp đều đi thuê ngoài dẫn đến chi phí cao, khó cạnh tranh với các đơn vị dịch vụ cạnh tranh trực tiếp với CPI với tiềm lực lớn về cơ sở vật chất (có kho bãi, xe cộ, thiết bị...), luôn sẵn sàng giảm giá nhằm lôi kéo khách hàng.

+ Áp lực giảm giá bốc xếp container do cung vượt quá cầu sẽ diễn ra trong 10 năm tới. Trong khi đó chi phí cho việc thực hiện làm hàng container tại cảng Cái Lân vẫn cao hơn so với cảng Hải Phòng dẫn đến việc cạnh tranh gặp nhiều khó khăn.

+ Thủ tục hải quan tại cảng Cái Lân kém cạnh tranh hơn so với Hải Phòng do khâu giải quyết chứng từ vẫn mất nhiều thời gian và chưa linh động. Bên cạnh đó khách hàng phải dùng sà lan vận chuyển các container xếp dỡ tại cảng CICT về Hải Phòng để làm thủ tục thông quan dẫn đến phát sinh thêm các chi phí.

2. Kết quả SXKD dự kiến thực hiện 6 tháng đầu năm 2017

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2017	Dự kiến TH 6 tháng năm 2017	So sánh TH 6 tháng với KH 2017 (%)
I	Sản lượng	Tấn	810.000	605.281	75
		Teu	3.400	5.919	174
1	Hàng nông sản, TAGS	Tấn	500.000	470.000	94
2	Hàng xi măng	Tấn	120.000	96.330	80
3	Hàng dăm gỗ	Tấn	70.000	14.566	21
4	Dịch vụ, thủ tục, hàng khác	Teu		4.853	
		Tấn	5.000	385	8
5	Dịch vụ Hàng hải	Chuyến		5	
6	Đội xe công ty	Teu	3.400	1.066	31
		Tấn	115.000	24.000	21
II	Tổng doanh thu	Triệu đồng	62.000	40.000	65
1	Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	61.169	39.580	65
2	Doanh thu hoạt động tài chính/doanh thu khác		831	420	51
III	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	800	1.500	188
IV	Thực hiện nộp NSNN	Triệu đồng	1.300	1.180	91
V	Thu nhập bình quân người lao động	Triệu đồng	9,6	9,5	99

* Đánh giá kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2017

a, Chỉ tiêu sản lượng

Tổng sản lượng ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2017:

- Hàng rời: 605.281 tấn bằng 75% so với kế hoạch năm 2017

Trong đó:

- + Hàng nông sản, TAGS: 470.000 tấn bằng 94% so với kế hoạch năm 2017

Sản lượng hàng nông sản tại thời điểm các tháng mùa mưa dự kiến sẽ thấp nên trong 6 tháng cuối năm 2017 sản lượng hàng nông sản dự kiến chỉ gần bằng 50% sản lượng 6 tháng đầu năm. Trước tình hình đó, CPI vẫn tiếp tục triển khai kế hoạch marketing các khách hàng nông sản để đưa tàu về dỡ hàng tại CICT, phối hợp CICT và các đơn vị khác triển khai xây dựng kho để phục vụ làm hàng, đồng thời triển khai các bước như đầu tư romooc để phục vụ vận tải nông sản, tiến tới hoàn thiện cung cấp chuỗi dịch vụ cho mặt hàng nông sản bao gồm: bốc xếp, vận chuyển, lưu kho, thông quan, kiểm dịch...

- + Hàng xi măng: 96.330 tấn bằng 80% so với kế hoạch năm 2017, mặc dù còn nhiều khó khăn do sự cạnh tranh và nợ dài hạn tiếp tục tăng nhưng Ban lãnh đạo Công ty xác định đây vẫn là mặt hàng CPI cần giữ để tăng doanh thu và tạo việc làm cho đội vận tải.

- + Hàng dăm gỗ: 14.566 tấn bằng 21% so với kế hoạch năm 2017, sản lượng hàng dăm tại thị trường Cái Lân giảm rõ rệt và dịch vụ từ mặt hàng này không đạt hiệu quả cao nên CPI không tập trung marketing mặt hàng này trong thời qua và trong kế hoạch sắp tới, chỉ tập trung chăm sóc khách hàng CPI đã cung cấp dịch vụ để mang lại sản lượng vận chuyển cho đội vận tải.

- + Vận chuyển đội xe: 24.000 tấn bằng 21% so với kế hoạch năm 2017, và vận chuyển nội bộ là 133.466 tấn

- Hàng container: 5.919 teu bằng 174% so với kế hoạch năm 2017.

Trong đó tăng trưởng phần lớn ở mặt hàng container do trong thời gian vừa qua CPI đã kết hợp với CICT marketing và bước đầu thu hút được các hãng tàu container (*Zim và Hyundai*) với sản lượng, tần suất đưa tàu về cảng khá ổn định (*dự kiến 01 chuyến/tuần*), CPI là đơn vị cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng container bằng sà lan từ cảng CICT về cảng Transvina, Hải Phòng đồng thời cấp dịch vụ thông quan, tàu lai và đại lý tàu cho hãng tàu Zim và Hyundai.

Dịch vụ hàng hải trong 6 tháng đầu năm (*bao gồm đại lý và lai dắt*): 05 chuyến

b, Chỉ tiêu tài chính

- Doanh thu ước thực hiện: 40.000 triệu đồng bằng 65% so với kế hoạch năm 2017
- Lợi nhuận trước thuế: 1.500 triệu đồng bằng 188% so với kế hoạch năm 2017
- Thực hiện nộp NSNN: 1.180 triệu đồng bằng 77% so với kế hoạch năm 2017
- Thu nhập bình quân người lao động: 9,5 triệu đồng bằng 99% so với kế hoạch năm 2017

c, Công tác đầu tư

Trong 6 tháng đầu năm 2017 công ty chỉ tập trung vào khai thác các dịch vụ đang thực hiện, không thực hiện đầu tư mới trang thiết bị, máy móc.

II. Kế hoạch hoạt động 6 tháng cuối năm 2017

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2017	KH 6 tháng cuối năm 2017	Ước TH cả năm 2017
I	Sản lượng	Tấn	810.000	278.000	883.281
		Teu	3.400	19.000	24.919
1	Hàng nông sản, TAGS	Tấn	500.000	180.000	650.000
2	Hàng xi măng	Tấn	120.000	48.000	144.330
3	Hàng dăm gỗ	Tấn	70.000	-	14.566
4	Dịch vụ, thủ tục, hàng khác	Teu		18.000	22.853
		Tấn	5.000	-	385
5	Dịch vụ Hàng hải	Chuyến		18	23
6	Đội xe công ty	Teu	3.400	1.000	2.066
		Tấn	115.000	50.000	74.000
II	Tổng doanh thu	Triệu đồng	62.000	28.000	68.000
1	Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	61.169	27.589	67.169
2	Doanh thu hoạt động tài chính/đoanh thu khác		831	411	831
III	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	800	300	1.800
IV	Thực hiện nộp NSNN	Triệu đồng	1.300	220	1.400
V	Thu nhập bình quân người lao động	Triệu đồng	9,6	9,6	9,6

a, Chỉ tiêu sản lượng 6 tháng cuối năm 2017

Từ thực tế tình hình sản xuất kinh doanh, kế hoạch marketing và kế hoạch của khách hàng, CPI xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm 2017, cụ thể:

- Hàng nông sản: 180.000 tấn, ước thực hiện cả năm 2017: 650.000 tấn bằng 130% so với kế hoạch năm 2017

- Hàng xi măng: 48.000 tấn, ước thực hiện cả năm 2017: 144.330 tấn bằng 120% so với kế hoạch năm 2017

- Dịch vụ, thủ tục, hàng khác (Bao gồm vận chuyển, dịch vụ thông quan hàng container của Zim, Hyundai): 18.000 teu, ước thực hiện cả năm 2017: 22.853 teu

- Dịch vụ hàng hải: 18 chuyến, ước thực hiện cả năm 2017 là 23 chuyến (bao gồm dịch vụ đại lý, tàu lai)

- Đội xe công ty: 1.000 teu đối với hàng container và 50.000 tấn đối với hàng rời, ước thực hiện cả năm 2017: 2.066 teu đối với hàng container và 74.000 tấn đối với hàng rời. Ngoài ra đội xe còn thực hiện vận chuyển nội bộ cho phòng ĐTKD công ty với sản

lượng khoảng: 230.000 tấn cho cả năm 2017 (kế hoạch xây dựng trên cơ sở marketing thành công các khách hàng nông sản).

Tổng sản lượng các mặt hàng trong 6 tháng cuối năm 2017: 278.000 tấn đối với hàng rời và 19.000 teu đối với hàng container.

Tổng sản lượng các mặt hàng ước thực hiện cả năm 2017: 883.281 tấn đối với hàng rời bằng 109% so với kế hoạch năm 2017 và 24.919 teu đối với hàng container và bằng 733% so với kế hoạch năm 2017.

b, Chỉ tiêu tài chính 6 tháng cuối năm 2017

- Doanh thu kế hoạch 6 tháng cuối năm: 28 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 2017: 68 tỷ đồng bằng 110% so với kế hoạch năm 2017

- Lợi nhuận trước thuế: 300 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 2017: 1.800 triệu đồng bằng 225% so với kế hoạch năm 2017

- Thực hiện nộp Ngân sách nhà nước: 220 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 2017: 1.400 triệu đồng bằng 108% so với kế hoạch năm 2017

- Thu nhập bình quân người lao động: 9,6 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 2017: 9,6 triệu đồng bằng 100% so với kế hoạch năm 2017

c, Công tác đầu tư

Để phục vụ sản xuất kinh doanh, cụ thể là để phát triển vận tải đối với hàng rời (hàng nông sản) trong thời gian tới, kế hoạch trong 6 tháng cuối năm CPI dự kiến đầu tư 04 somi rơ mooc và hoán cải thùng xe với giá trị đầu tư dự kiến khoảng 1,2 tỷ đồng.

d, Các giải pháp đạt được các chỉ tiêu trong 6 tháng cuối năm và hoàn thành kế hoạch năm 2017 của CPI

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp sắp xếp nhân sự, tổ chức theo tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của công ty

- Rà soát điều chỉnh các chi phí, định mức cho phù hợp

- Thanh lý và bán các tài sản không dùng đến hoặc không hiệu quả trong sản xuất kinh doanh để tạo nguồn vốn đầu tư mới.

- Cắt giảm các chi tiêu, chi phí

- Đối với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh:

+ Tiếp tục triển khai các bước trong định hướng marketing đối với mặt hàng nông sản, đàm phán để đạt được mục tiêu ký hợp đồng nguyên tắc và tiếp tục tìm kiếm khách hàng trong lĩnh vực nông sản, TAGS.

+ Triển khai marketing các chủ hàng nông sản CPI đang cung cấp dịch vụ bốc xếp để cung cấp các dịch vụ kèm theo như vận chuyển, thông quan, kiểm dịch, đồng thời triển khai đầu tư rơ mooc, hoán cải thùng xe để thực hiện dịch vụ vận chuyển hàng nông sản...

+ Cung cấp và giữ vững các dịch vụ vận chuyển bằng sà lan, thông quan hàng container cho Zim, Hyundai, phối hợp cùng marketing CICT triển khai marketing khách hàng container để cung cấp các dịch vụ vận chuyển đường bộ từ cảng CICT.

+ Tiếp tục giữ vững thị phần của các khách hàng công ty đã và đang cung cấp dịch vụ.

B – CÔNG TY TNHH CẢNG CÔNG TÊN NƠ QUỐC TẾ CÁI LÂN (CICT)

I. Tình hình Sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017

1. Hàng Container

Trong vòng 6 tháng đầu năm 2017, sản lượng container miền Bắc Việt Nam đạt hơn 1 triệu TEU trong đó 99% sản lượng vẫn thuộc về các cảng Hải Phòng. Khu vực Cái Lân, cụ thể là CICT và cảng Quảng Ninh chỉ chiếm 1 phần rất nhỏ. Mức phí cơ sở hạ tầng (phí mặt nước) chính thức được áp dụng với các container xuất/nhập qua các cảng khu vực Hải Phòng vốn nhận được rất nhiều phản hồi trái chiều từ các doanh nghiệp tại thời điểm mới ban hành dường như không có quá nhiều ảnh hưởng tới sản lượng của khu vực này. Về dự án cảng Lạch Huyện, cầu nối Tân Vũ Lạch Huyện đã chính thức hoàn thiện phần cầu chính và sẽ sớm được đưa vào hoạt động sau khi thông xe kỹ thuật vào 14/5/2017, rút ngắn đáng kể thời gian di chuyển từ đất liền Hải Phòng tới đảo Cát Hải.

Tại khu vực Cái Lân, từ 31/5/2017, CICT chính thức đón tàu container của tuyến ACS Cái Lân – tuyến tàu kết nối trực tiếp Ấn Độ tới các cảng tại Malaysia, Singapore, Việt Nam, Trung Quốc và Hàn Quốc. Với việc sử dụng 5 tàu cỡ lớn hơn 5.000 TEU, tuyến ACS sẽ có lịch trình cập cảng CICT 1 tuần 1 chuyến. Hiện tại ở khu vực miền Bắc, CICT là cảng duy nhất có thể tiếp nhận tàu cỡ này. Cùng với tuyến ACS, CICT cũng đón tàu container cỡ nhỏ của một hãng tàu khác quay trở lại từ tháng 5 với sản lượng đều đặn khoảng 450 TEU/chuyến.

Đối với sản lượng container nội địa, CICT vẫn tiếp nhận sà lan từ các khách hàng truyền thống trong khi cảng Quảng Ninh tiếp nhận sà lan của MSC.

Dự kiến tính tới hết tháng 6/2017, sản lượng container bốc xếp tại CICT sẽ đạt hơn 11.000 TEU trong đó hơn 7.000 TEU từ tàu quốc tế và gần 3.000 TEU từ sà lan nội địa, vượt 11% so với kế hoạch 6 tháng đầu năm.

2. Hàng nông sản

Nửa năm đầu của 2017 chứng kiến sự tăng trưởng nhẹ của sản lượng nông sản nhập khẩu về Việt Nam. Theo thống kê của Tổng cục hải quan Việt Nam, trong 5 tháng đầu năm, Việt Nam đã chi 1,53 tỷ USD để nhập khẩu nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, tăng 27,5% so với cùng kì 2016. Trong đó, 3 thị trường lớn nhất vẫn là Argentina (44,7%), Hoa Kỳ (13%) và Ấn Độ (5%). Trong số các mặt hàng nguyên liệu TACN, ngô vẫn chiếm tỉ trọng lớn nhất với 3,1 triệu tấn, theo sau là lúa mì (2,1 triệu) và đậu tương (730.000 tấn). Sản lượng nhập khẩu về các cảng miền Bắc/miền Nam Việt Nam hiện ước tính ở tỷ lệ 40/60.

Tại khu vực Cái Lân, cảng Quảng Ninh với lợi thế về nhà kho vẫn tiếp tục thu hút được nhiều khách hàng và đạt sản lượng gần 2 triệu tấn tính trong vòng 6 tháng đầu năm. Đối với CICT, tiếp tục hợp đồng với khách hàng truyền thống đồng thời tích cực tiếp nhận tàu từ các khách hàng mới cỡ vừa và nhỏ là những nguồn sản lượng chính của Cảng. Tính tới hết tháng 6/2017, CICT bốc xếp hơn 1.3 triệu tấn nông sản – vượt 9% kế hoạch đề ra và tăng 28% so với cùng kì 2016. Hiện tại, dịch vụ của CICT vẫn tiếp tục nhận được phản hồi tích cực của khách hàng với năng suất khai thác cao, hệ thống an ninh an toàn chuyên nghiệp và lợi thế độc quyền về cân treo với độ chính xác cao.

Dự kiến trong 6 tháng 2017, sản lượng hàng nông sản nhập khẩu thông qua khu vực Cái Lân ước đạt 3.2 triệu tấn trong đó cảng Quảng Ninh chiếm 59% thị phần với hơn 1.9 triệu tấn, CICT chiếm 41% thị phần với hơn 1.3 triệu tấn.

3. Hàng dăm gỗ

Khoảng thời gian 6 tháng đầu năm 2017 là thời điểm khó khăn với các nhà xuất khẩu dăm gỗ khi liên tục bị các nhà nhập khẩu ép giá, thiếu hụt sản lượng đầu vào và sự cạnh tranh gay gắt từ các khu vực khác trong nước cũng như các nước khác trong khu vực.

Tại khu vực Cái Lân, việc 100% sản lượng của công ty có sản lượng lớn nhất Cái Lân được đưa về để xuất qua cảng Quảng Ninh cùng với việc kí hợp đồng cam kết cầu bến với một khách hàng lớn khác, cảng Quảng Ninh đã đạt sản lượng gần 800.000 tấn trong 6 tháng đầu năm. Đối với CICT, việc tiếp nhận tàu container chuyên tuyến cùng ưu tiên cầu bến cho tàu nông sản là hai yếu tố có tác động khá lớn tới khả năng tiếp nhận các tàu dăm gỗ. Sản lượng dăm gỗ bốc xếp tại Cảng trong 6 tháng dự tính đạt 690.000 tấn – đạt 39% kế hoạch năm và giảm 30% so với cùng kì năm trước.

Tổng sản lượng dăm gỗ xuất khẩu qua khu vực Cái Lân trong 6 tháng đầu năm đạt hơn 1.5 triệu tấn trong đó CICT chiếm 46% với 690.000 tấn trong khi cảng Quảng Ninh chiếm 54% với 810.000 tấn.

4. Các mặt hàng khác

Đối với các mặt hàng khác, CICT tập trung ưu tiên tiếp nhận tàu sắt vụn với thời gian khai thác ngắn và doanh thu cao, tiếp đó là tàu quặng. Xi măng với thời gian khai thác dài, doanh thu thấp và phụ thuộc vào thời tiết không phải là ưu tiên hàng đầu.

Trong 6 tháng đầu năm 2017, CICT bốc xếp gần 100.000 tấn các loại hàng khác (sắt vụn, quặng, xi măng và hàng thiết bị) – đạt 37% kế hoạch và đạt 312% sản lượng cùng kì 2016.

II. Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2017

1. Hàng Container:

Trong nửa cuối năm 2017, CICT sẽ tận dụng cơ hội tuyến tàu ACS mang lại để: thu hút khách hàng nhận container tại Cảng thay vì chuyển tải bằng xà lan về Hải Phòng nhằm tăng doanh thu; thu hút các hãng tàu mới mở tuyến tại Cái Lân và phối hợp với hàng tàu tiếp cận thu hút khách hàng sử dụng dịch vụ ACS nhằm tăng sản lượng của mỗi chuyến tàu. Bên cạnh đó, theo phản hồi từ phía hãng tàu container nhỏ, sản lượng của hãng này sẽ có sự tăng trưởng trong 6 tháng cuối năm với việc đưa thêm tàu và tăng cường các chuyến và yêu cầu cam kết cầu bến cùng thiết bị của CICT đã được khách hàng đề xuất.

Đối với mảng container nội địa, thay vì tình trạng các khách hàng lẻ tự sắp xếp dịch vụ vận tải bằng xà lan, CICT sẽ tích cực gặp gỡ, liên kết các khách hàng nhằm tập hợp đủ sản lượng để đưa tàu container nội địa mở tuyến tại Cảng.

2. Hàng nông sản:

6 tháng cuối năm 2017, CICT sẽ phối hợp với khách hàng để tìm nhà kho thích hợp sau khi Trường Lộc đang có ý định thu hồi lại kho khách hàng lớn của CICT đang sử dụng. Ngoài ra, CICT sẽ tiếp tục triển khai các chương trình chăm sóc khách hàng nhằm giữ chân các khách hàng lớn đồng thời thu xếp cầu bến để tiếp nhận các tàu nhỏ khác. Tuy nhiên, tàu container định tuyến cũng là một yếu tố dự kiến sẽ gây ảnh hưởng không nhỏ tới việc tiếp nhận tàu hàng rời của CICT, đặc biệt là tàu nông sản phụ thuộc nặng nề vào thời tiết và có thời gian khai thác dài ngày.

3. Hàng dăm gỗ

Nhằm giành lại thị phần, 6 tháng cuối năm sẽ là thời điểm CICT nỗ lực để tiếp cận lại các khách hàng nhằm thu hút tàu của khách hàng lẻ chưa cam kết với bất kì Cảng nào và giữ mối quan hệ với các khách hàng lớn nhằm tạo tiền đề cho việc thương thảo kí hợp đồng vào năm tới. Bên cạnh đó, CICT sẽ xem xét lại chính sách để thu hút các khách hàng lưu bãi tại Cảng bằng mức giá cạnh tranh và các dịch vụ phù hợp. Tuy nhiên, đa phần các khách hàng lớn đều có nhu cầu kí hợp đồng cam kết sản lượng và cầu bến cũng là một yếu tố trở ngại đối với CICT trong điều kiện cầu bến có hạn.

4. Các mặt hàng khác

Trong thời gian tới, khi mùa mưa gần kề, sản lượng nông sản và dăm gỗ sẽ giảm, CICT sẽ tập trung thu hút các mặt hàng khác không phụ thuộc vào thời tiết, ưu tiên sắt vụn và thiết bị.

III. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư 6 tháng đầu năm 2017

1. Những kết quả hoạt động nổi bật

- Sản lượng và doanh thu công ty đã đạt kế hoạch đề ra.
- CICT đã thu hút thêm được hãng tàu container mới vào làm hàng tại cảng, đánh dấu sự trở lại của hàng container.

- CICT tiến tới sẽ mở rộng khai thác dịch vụ logistic nhằm đa dạng hóa dịch vụ tại cảng cũng như tăng doanh thu cho công ty.

2. Những tồn tại và khó khăn vướng mắc

- Việc cạnh tranh giữa các cảng hiện tại đang rất gay gắt, thị trường hàng container cũng như hàng rời không ổn định. Công ty khó có thể đưa ra được một bài toán dài hạn chính xác cho việc kinh doanh.

- Các tài sản của công ty được hình thành chủ yếu từ vốn vay nên chi phí lãi vay và khấu hao chiếm khối lượng lớn trong tổng chi phí của CICT. Việc đàm phán tái cấu trúc cấu khoản vay cần rất nhiều sự hỗ trợ của nhà tài trợ dự án cũng như tổng công ty.

C. CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

* Đề nghị với cơ quan chính quyền

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét luồng để đảm bảo độ sâu luồng, giúp tàu ra vào được thuận lợi.

- Mở rộng vùng quay trở khu cảng Cái Lân để Cảng Cái Lân nói chung, CICT nói riêng có thể tiếp nhận tàu cỡ lớn hơn.

- Bộ giao thông vận tải tiếp tục triển khai dự án đường sắt, khẩn trương hoàn thiện hệ thống đường cao tốc để đa dạng hóa hệ thống kết nối tới cảng, tăng năng lực vận chuyển hàng.

- Tỉnh Quảng Ninh khẩn trương quy hoạch khu bãi đỗ xe để tránh hiện tượng tắc đường cục bộ khi có nhiều tàu làm hàng tại khu vực cảng Cái Lân.

* Đề nghị với Tổng công ty:

- Hỗ trợ CICT đẩy nhanh quá trình tái cấu trúc khoản vay theo hướng xóa nợ lãi và giảm nợ gốc đồng thời giảm lãi suất vay.

- Đàm phán với các nhà cho vay chính để CICT có thể giữ lại các thiết bị đủ để làm hàng container.

Công ty cổ phần đầu tư cảng Cái Lân trân trọng báo cáo!

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, ĐTKD;



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Toàn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ HÀNG HẢI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm trước (2016)		Năm báo cáo (2017)		
		TH 6T đầu năm	TH 6T cuối năm	KH năm	Ước TH 6 tháng đầu năm	KH 6 tháng cuối năm
I. TỔNG SẢN LƯỢNG	Tấn	386.918	385.595	810.000	605.281	278.000
	Teu	5.087	1.699	3.400	5.919	19.000
1. Dịch vụ bãi container	Tấn/Teu					
2. Dịch vụ kho	Tấn/Teu					
3. Dịch vụ phương tiện và thiết bị	Tấn	386.918	223.028	305.000	134.896	98.000
	Teu	2.348	1.112	3.400	5.919	19.000
4. Hoạt động đại lý tàu/ lai dắt tàu	chuyến	12	1		5	18
5. Dịch vụ khác	Tấn		162.567	505.000	470.385	180.000
	Teu	2.739	587			
II. TỔNG DOANH THU (3+6+8)	tr.đồng	25.194.854.855	27.529.200.501	62.000.000.000	40.000.000.000	28.000.000.000
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	tr.đồng	24.423.081.352	27.084.567.723	61.168.900.000	39.580.000.000	27.588.900.000
1.1 DT đại lý tàu	tr.đồng	30.831.820	5.000.000		20.000.000	120.000.000
1.2. DT đại lý vận tải	tr.đồng		-			
1.3. DT khai thác kho bãi	tr.đồng		-			
1.4. DT hoạt động đội xe	tr.đồng	11.574.969.690	9.156.115.189	21.578.000.000	7.700.000.000	7.000.000.000
1.5. DT hoạt động logistics	tr.đồng		-			
1.6. DT dịch vụ khác	tr.đồng	13.589.053.345	18.368.085.312	39.590.900.000	31.860.000.000	20.468.900.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	tr.đồng		-			
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	tr.đồng	24.423.081.352	27.084.567.723	61.168.900.000	39.580.000.000	27.588.900.000
III. TỔNG CHI PHÍ (4+7+9)	tr.đồng	26.872.031.486	27.155.930.221	61.200.000.000	38.500.000.000	27.700.000.000
4. Chi phí hoạt động SXKD (4.1 + 4.2+4.3)	tr.đồng	26.430.539.074	27.094.088.226	61.200.000.000	38.200.000.000	27.400.000.000
4.1 Giá vốn hàng bán	tr.đồng	22.718.923.828	24.004.467.734	54.742.100.000	34.340.000.000	24.290.000.000
- Chi phí nhiên liệu	tr.đồng	2.030.651.152	1.990.536.712			
- Chi phí vật liệu, công cụ	tr.đồng	603.693.031	379.306.615			

CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm trước (2016)		Năm báo cáo (2017)		
		TH 6T đầu năm	TH 6T cuối năm	KH năm	Ước TH 6 tháng đầu năm	KH 6 tháng cuối năm
- Khấu hao TSCĐ	tr.đồng	1.303.503.300	1.070.066.216			
- Chi phí nhân viên trực tiếp	tr.đồng	1.724.764.360	1.784.626.451			
<i>Trong đó: + Chi phí lương</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>1.067.497.000</i>	<i>767.092.800</i>			
<i>+ Chi phí các khoản BH, KPCĐ</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>187.868.160</i>	<i>200.129.920</i>			
<i>+ Chi phí ăn ca</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>295.150.000</i>	<i>310.940.000</i>			
- Chi phí điện nước	tr.đồng		-			
- Chi phí sửa chữa	tr.đồng	568.840.178	649.601.686			
- Chi phí khác	tr.đồng	16.192.321.807	18.425.480.054			
<i>+ Chi lệ phí, tiền thuê đất</i>	<i>tr.đồng</i>		-			
<i>+ Chi phí vận tải thuê ngoài</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>475.806.000</i>	<i>967.627.681</i>			
<i>+ Chi phí dịch vụ thuê ngoài</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>11.852.324.050</i>	<i>16.824.431.958</i>			
<i>+ Chi phí khác</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>3.864.191.757</i>	<i>633.420.415</i>			
4.2 Chi phí quản lý	tr.đồng	3.327.790.669	2.855.906.907	6.457.900.000	3.750.000.000	3.000.000.000
- Chi phí nhân viên	tr.đồng	2.168.436.160	1.818.938.468			
<i>Trong đó: + Tiền lương, tiền công</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>1.315.666.277</i>	<i>1.224.193.908</i>			
<i>+ BHXH, KPCĐ, BHYT</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>237.842.880</i>	<i>214.806.560</i>			
- Chi phí nhiên liệu, vật liệu	tr.đồng	34.930.666	110.631.998			
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	tr.đồng	26.313.831	21.815.329			
- Khấu hao TSCĐ	tr.đồng	75.632.939	11.992.816			
- Thuế, phí và lệ phí	tr.đồng	3.000.000	11.485.000			
- Chi phí sửa chữa	tr.đồng	33.058.924	28.638.924			
- Chi phí điện nước	tr.đồng	30.490.732	-			
- Chi phí công nghệ thông tin	tr.đồng	37.433.763	34.705.837			
- Thuê nhà, đất	tr.đồng		-			
- Chi phí hội nghị, tiếp khách	tr.đồng	149.982.204	133.160.119			
- Chi phí quảng cáo, tiếp thị	tr.đồng		-			
- Chi phí hoa hồng, môi giới	tr.đồng		-			
- Chi phí đào tạo	tr.đồng	6.050.000	-			
- Công tác phí, tàu xe	tr.đồng	51.480.909	16.330.000			
- Chi khác, trong đó:	tr.đồng	710.980.541	668.208.416			
<i>+ Chi phí bảo hiểm</i>	<i>tr.đồng</i>		-			

CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm trước (2016)		Năm báo cáo (2017)		
		TH 6T đầu năm	TH 6T cuối năm	KH năm	Ước TH 6 tháng đầu năm	KH 6 tháng cuối năm
+ Chi phí dịch vụ pháp lý	tr.đồng		-			
+ Chi phí chuyển phát nhanh	tr.đồng		-			
+ Chi phí điện thoại, internet	tr.đồng	74.833.559	71.994.437			
+ Chi phí kiểm toán	tr.đồng	85.000.000	-			
+ Phí ngân hàng	tr.đồng	23.605.142	5.597.604			
+ Phí tư vấn	tr.đồng		-			
+ Chi phí khác	tr.đồng	527.541.840	590.616.375			
4.3. Chi phí bán hàng		383.824.577	233.713.585		110.000.000	110.000.000
5. Lợi nhuận khai thác (3-4)	tr.đồng	(2.007.457.722)	(9.520.503)	(31.100.000)		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	tr.đồng	4.621.125	2.460.157	-		
- Lãi tiền gửi ngân hàng	tr.đồng	1.539.145	2.240.645			
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	tr.đồng		-			
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	tr.đồng	3.081.980	219.512			
- Doanh thu tài chính khác	tr.đồng		-			
7. Chi phí hoạt động tài chính	tr.đồng	33.290.037	-	-		
- Chi phí lãi vay	tr.đồng	31.803.516	-			
- Chi phí chênh lệch tỷ giá	tr.đồng	1.486.521	-			
- Chi phí tài chính khác	tr.đồng		-			
8. Doanh thu khác	tr.đồng	767.152.378	442.172.621	831.100.000	420.000.000	411.100.000
9. Chi phí khác	tr.đồng	408.202.375	61.841.995		300.000.000	300.000.000
IV. LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (II-III)	tr.đồng	(1.677.176.631)	373.270.280	800.000.000	1.500.000.000	300.000.000
10. NỢP NGÂN SÁCH	tr.đồng	678.568.995	487.343.762		1.180.000.000	220.000.000
V. CHỈ TIÊU KPI (Key Performance Index)						
11. Tỷ suất lợi nhuận hoạt động dịch vụ kho bãi	%					
12. Tỷ suất lợi nhuận hoạt động dịch vụ vận tải bộ	%					
13. Tỷ suất lợi nhuận đại lý vận tải	%					
14. Hiệu suất sử dụng phương tiện	%					

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CẢNG BIỂN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017
TẠI CÔNG TY TNHH CẢNG CÔNG TEN NƠ QUỐC TẾ CÁI LÂN

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm trước		Năm báo cáo		
		TH 6T đầu năm	TH 6T cuối năm	KH năm	Ước TH 6T đầu năm	KH 6T cuối năm
I. SẢN LƯỢNG HÀNG THÔNG QUA						
1. Sản lượng hàng container	Teu	3.003	8.716	19.838	10.623	26.223
2. Sản lượng hàng ngoài container (liệt kê những mặt hàng chính)	Tấn	2.047.221	2.049.059	4.283.700	2.104.082	2.222.558
2.1 Hàng Dăm gỗ	tấn	986.298	818.378	1.779.000	690.802	779.623
2.2 Hàng Thức ăn gia súc	tấn	1.028.866	1.128.751	2.234.000	1.313.344	1.317.686
2.3 Hàng quặng/ Sắt vụn	tấn	27.135	53.999	220.000	65.055	106.041
2.4 Hàng khác	tấn	4.922	47.932	50.700	34.880	19.208
2.5 Hàng	tấn					
2.6 Hàng...	tấn					
II. TỔNG DOANH THU (3+6+8)	tr.đồng	99.096	108.689	211.309	99.889	115.412
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	tr.đồng	98.230	105.311	208.363	112.781	111.861
1.1 Bốc xếp	tr.đồng	61.948	72.886	151.729	82.126	81.457
1.2 Lưu kho, bãi	tr.đồng	4.954	7.991	9.759	5.282	5.239
1.3 Giao nhận, kiểm kiện	tr.đồng	1.374	413	1.653	895	888
1.4 Cầu bến	tr.đồng	21.663	19.827	37.843	20.483	20.316
1.5 Phao	tr.đồng	-	-	-	-	-
1.6 Tàu kéo	tr.đồng	-	-	-	-	-
1.7 Buộc, mở dây	tr.đồng	330	362	732	396	393
1.8 Cho thuê phương tiện, thiết bị	tr.đồng	2.483	1.252	1.845	999	991
1.9 Cho thuê cơ sở hạ tầng	tr.đồng	18	1	33	18	18
1.10 Cước hành khách	tr.đồng	-	-	-	-	-
1.11 Dịch vụ khác	tr.đồng	5.461	2.579	4.769	2.581	2.560
2. Các khoản giảm trừ	tr.đồng	-	-	-	-	-
+ Các khoản giảm trừ (chiết khấu, giảm giá, ...)	tr.đồng	-	-	-	-	-
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	tr.đồng	-	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (1-2)	tr.đồng	98.230	105.311	208.363	95.294	111.861
III. TỔNG CHI PHÍ (4+7+9)		196.538	229.849	418.243	208.570	207.832

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm trước		Năm báo cáo		
		TH 6T đầu năm	TH 6T cuối năm	KH năm	Ước TH 6T đầu năm	KH 6T cuối năm
4. Chi phí hoạt động SXKD (4.1 + 4.2)	tr.đồng	119.193	117.521	244.822	121.991	122.612
4.1 Giá vốn hàng bán	tr.đồng	87.300	84.630	161.082	87.500	88.964
- Chi phí nhiên liệu	tr.đồng	694	642	1.008	547	547
- Chi phí vật liệu, công cụ	tr.đồng	1.913	2.561	3.176	1.725	1.723
- Khấu hao TSCĐ	tr.đồng	59.370	59.696	110.434	59.988	59.925
- Chi phí nhân viên trực tiếp	tr.đồng	14.130	11.671	29.165	15.843	15.826
<i>Trong đó: + Chi phí lương</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>11.824</i>	<i>9.293</i>	<i>24.798</i>	<i>13.470</i>	<i>13.456</i>
<i>+ Chi phí các khoản BH, KPCĐ</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>1.697</i>	<i>1.715</i>	<i>3.158</i>	<i>1.715</i>	<i>1.714</i>
<i>+ Chi phí ăn ca</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>610</i>	<i>663</i>	<i>1.210</i>	<i>657</i>	<i>657</i>
- Chi phí điện nước	tr.đồng	3.711	5.586	8.717	4.735	4.730
- Chi phí sửa chữa	tr.đồng	320	153	386	209	209
- Chi phí khác:	tr.đồng	7.161	4.322	8.196	4.452	6.003
<i>+ Chi phí bảo hiểm</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>+ Chi phí vận chuyển</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>+ Chi phí thuê thiết bị, phương tiện</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>6.869</i>	<i>2.932</i>	<i>5.365</i>	<i>2.915</i>	<i>2.911</i>
<i>+ Chi phí thuê nhân công</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>118</i>	<i>1.086</i>	<i>2.062</i>	<i>1.120</i>	<i>1.119</i>
<i>+ Chi phí khác</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>174</i>	<i>303</i>	<i>769</i>	<i>418</i>	<i>1.973</i>
4.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	tr.đồng	31.893	32.891	83.741	34.491	33.648
- Chi phí nhân viên:	tr.đồng	13.856	13.076	35.413	14.586	14.230
<i>Trong đó: + Tiền lương, tiền công</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>12.956</i>	<i>12.149</i>	<i>33.484</i>	<i>13.791</i>	<i>13.454</i>
<i>+ BHXH, KPCĐ, BHYT</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>900</i>	<i>927</i>	<i>1.929</i>	<i>795</i>	<i>775</i>
- Chi phí nhiên liệu, vật liệu	tr.đồng	43	57	156	64	63
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	tr.đồng	441	240	504	207	202
- Khấu hao TSCĐ	tr.đồng	6.260	6.269	15.378	6.334	6.179
- Thuế, phí và lệ phí	tr.đồng	3	-	33	14	13
- Chi phí sửa chữa	tr.đồng	594	599	1.138	469	457
- Chi phí điện nước	tr.đồng	759	916	1.716	707	690
- Chi phí công nghệ thông tin	tr.đồng	1.046	1.906	4.933	2.032	1.982
- Thuê nhà, đất	tr.đồng	830	830	2.057	847	826
- Chi phí hội nghị, tiếp khách	tr.đồng	180	236	1.027	423	412
- Chi phí quảng cáo, tiếp thị	tr.đồng	316	169	16	7	6
- Chi phí hoa hồng, môi giới	tr.đồng	-	-	-	-	-
- Chi phí đào tạo	tr.đồng	33	118	225	93	90
- Công tác phí, tàu xe	tr.đồng	342	583	2.741	1.129	1.102
- Chi khác, trong đó:	tr.đồng	7.189	7.892	18.404	7.580	7.395
<i>+ Chi phí an toàn và môi trường</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>451</i>	<i>458</i>	<i>1.146</i>	<i>472</i>	<i>461</i>
<i>+ Chi phí bảo hiểm</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>2.715</i>	<i>2.917</i>	<i>5.803</i>	<i>2.390</i>	<i>2.332</i>

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm trước		Năm báo cáo		
		TH 6T đầu năm	TH 6T cuối năm	KH năm	Ước TH 6T đầu năm	KH 6T cuối năm
+ Chi phí dịch vụ pháp lý	tr.đồng	92	142	684	282	275
+ Chi phí chuyển phát nhanh	tr.đồng	8	11	32	13	13
+ Chi phí điện thoại, internet	tr.đồng	296	302	658	271	265
+ Chi phí kiểm toán	tr.đồng	7	474	70	29	28
+ Phí ngân hàng	tr.đồng	130	397	716	295	288
+ Phí lưu trữ	tr.đồng	846	1.224	2.335	962	938
+ Chi phí khác	tr.đồng	2.644	1.967	6.958	2.866	2.796
5. Lợi nhuận khai thác (3-4)	tr.đồng	(20.097)	(8.832)	(33.513)	(22.102)	(7.200)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	tr.đồng	832	1.685	2.946	3.173	3.551
- Lãi tiền gửi ngân hàng	tr.đồng	815	1.680	-	3.154	3.551
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	tr.đồng	-	-	-	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	tr.đồng	18	5	-	19	-
- Doanh thu tài chính khác	tr.đồng	-	-	2.946	-	-
7. Chi phí hoạt động tài chính	tr.đồng	76.557	111.539	173.421	85.769	84.411
- Chi phí lãi vay	tr.đồng	76.546	82.772	173.421	85.756	84.411
- Chi phí chênh lệch tỷ giá	tr.đồng	10	28.767	-	14	-
- Chi phí tài chính khác	tr.đồng	-	-	-	-	-
8. Doanh thu khác	tr.đồng	34	1.693	-	1.422	-
9. Chi phí khác	tr.đồng	789	790	-	809	809
IV. LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (II-III)	tr.đồng	(97.443)	(121.160)	(206.934)	(108.681)	(92.420)
10. NỢP NGÂN SÁCH	tr.đồng	6.391	5.675	-	9.135	9.135
11. CHỈ TIÊU LĐ-TL						
11.1 Lao động bình quân	người	239	230	215	210	220
11.2. Tổng quỹ lương	tr.đồng	17.263	14.015	32.236	18.110	14.127
- Đơn giá tiền lương CBCNV						
11.3 Thu nhập B/q 1 CBCNV	tr.đồng/người/tháng	12	10		14	11
V. CHỈ TIÊU KPI (Key Perfomance Index)						
12. Năng suất xếp dỡ bình quân hàng container	Moves/câu/h	-	20		26	30
13. Năng suất xếp dỡ bình quân hàng rời, bách hóa,...	Tân/ngày	7.640	5.536		7.593	9.000
14. Năng suất xếp dỡ của người lao động	tân/người	8.742	9.439		10.728	11.771
15. Doanh thu theo đầu người	triệu đồng/người	415	473		476	525
16. Tỷ lệ lợi nhuận hoạt động theo đầu người	triệu đồng/người	(408)	(527)		(518)	(420)